

TỊNH ĐỘ ĐẠI KINH KHOA CHÚ 2014

(Giảng lần thứ 4)

PHẨM THỨ 7: TẤT THÀNH CHÁNH GIÁC

Nhất Định Thành Chánh Giác

Tập 211

Chủ giảng: Hòa thượng Thích Tịnh Không.

Giảng tại: Hiệp Hội Giáo Dục Phật Đà Hồng Kông.

Thời gian: Ngày 12 tháng 7 năm 2015.

Dịch giả: Diệu Hiệp.

Giáo chánh: Thích Thiện Trang.

Kính chào chư vị Pháp sư, chư vị đồng học, mời an tọa. Thỉnh mọi người cùng tôi quy y Tam Bảo:

A-xà-lê tôn niệ**m**, ngã Đệ tử Diệu Âm, thử tụng kim nhật, nãi chí mạng tôn, quy y Phật Đà, lưỡng túc trung tôn; Quy y Đạt Ma, ly dục trung tôn; Quy y Tăng Già, chư chúng trung tôn. (3 lần)

Mời xem Đại Kinh Khoa Chú, trang 535, từ giữa hàng thứ sáu, 今云智慧眼者 “kim vân Trí huệ nhãn giả” (ở đây nói Trí huệ nhãn), bắt đầu xem từ đây.

Niệm lão giải thích câu này rất hay, trong kinh văn, 開彼智慧眼，獲得光明身 “khai bỉ Trí Huệ nhãn, hoạch đắc quang minh thân” (khai Trí Huệ nhãn họ, đạt được thân quang minh), Trí Huệ nhãn, 可釋為十眼中之慧眼與智眼 “khả thích vi Thập nhãn trung chi Huệ

nhãn dữ Trí nhãn” (có thể giải thích là Huệ nhãn và Trí nhãn trong Thập nhãn), trong Ngũ nhãn có Huệ nhãn, thứ sáu là Trí nhãn, 亦可解為眾生本有之如來智慧德相，亦即佛眼 “diệc khả giải vi chúng sanh bản hữu chi Như Lai trí huệ đức tướng, diệc tức Phật nhãn” (cũng có thể giải thích là trí huệ đức tướng của Như Lai mà chúng sanh vốn có, cũng chính là Phật nhãn), câu nói này rất hay. Trong Kinh Hoa Nghiêm, đức Thế Tôn nói với chúng ta: 一切眾生皆有如來智慧德相 “**Nhất thiết chúng sanh giai hữu Như Lai trí huệ đức tướng”** (Tất cả chúng sanh đều có trí huệ đức tướng của Như Lai), từ đây có thể biết, trí huệ đức tướng của Như Lai là trong Tự Tánh vốn đầy đủ, đây chính là Phật nhãn thường được nói trong Kinh Hoa Nghiêm, Phật nhãn chính là trí huệ đức tướng của Như Lai, Tự Tánh vốn có, không phải từ bên ngoài mà có, ai ai cũng có phần.

Chúng ta xem giải thích bên dưới, 如《會疏》曰：智慧眼，即智慧。謂眾生心中本具智慧眼 “**như Hội Sớ viết: Trí huệ nhãn, tức trí huệ. Vị chúng sanh tâm trung bản cụ Trí Huệ nhãn”** (như trong sách Hội Sớ nói: Trí Huệ nhãn chính là trí huệ, nghĩa là mắt trí huệ vốn có trong tâm của chúng sanh), tất cả chúng sanh mỗi người đều có đủ, không có ngoại lệ, chúng sanh trong Pháp giới Tứ Thánh đầy đủ, chúng sanh trong Lục đạo luân hồi cũng đầy đủ, vì sao bây giờ không thể hiện tiền? Tiếp theo nói, 由無明幻翳 “**do Vô minh huyễn ế”** (do Vô minh mê hoặc che lấp), Vô minh là phiền não căn bản, Vô minh chính là vô tri. Vốn là biết tất cả, quá khứ hiện tại vị lai, Thế giới này, phương khác, không có gì không biết, đây là trí huệ vốn có của Tự Tánh, là trong Tự Tánh vốn có. Khi khai ngộ, Đại sư Lục tổ Huệ Năng nói với chúng ta, câu thứ ba ngài nói: 何期自性，本自具足 “**Hà kỳ Tự Tánh, bản tự cụ túc”** (Nào ngờ Tự Tánh vốn tự đầy đủ), không ngờ Chân Như Bản Tánh

của chúng ta vốn đầy đủ vô lượng trí huệ, vốn đầy đủ vô lượng đức năng, vốn đầy đủ vô lượng tướng hảo, không phải từ bên ngoài mà có, mà vốn đầy đủ. Vốn đầy đủ, vì sao hiện nay không có gì cả? Không có trí huệ, cũng không có đức năng, không có tướng hảo, đó là do Vô minh mê hoặc che lấp. Sự hư huyền này là giả, không phải là thật, một niệm không giác nên có Vô minh, đức Phật đã nói với chúng ta trong Đại thừa giáo, vấn đề ở ngay trong một niệm không giác. Vì sao một niệm không giác? Không có lý do, nếu quý vị hỏi đến cùng thì niệm niệm đều không giác. Quý vị mặc kệ nó, buông nó xuống hết, buông xuống Vô minh, thì Phật nhãn hiện tiền. Vì vậy, hiện nay chúng ta mê hoặc điên đảo, 妄為昏盲 “vọng vi hôn manh” (vọng làm ra mê mờ mù loà), đây là hư vọng, không phải là thật, mà là giả. Thật là gì? Thật là Phật nhãn, thật là trí huệ đức tướng của Như Lai mà Tự Tánh vốn có, đây là thật.

Cho nên mê là giả, Tự Tánh làm gì có mê? Nhưng một niệm không giác này cũng là thật, thật sự có một niệm không giác, khiến chúng ta từ Tự Tánh đọa lạc xuống phàm phu Lục đạo. Giáo dục của đức Phật không có gì khác, [chỉ là] giúp chúng ta trở về Tự Tánh. Làm thế nào để trở về? Chính là buông xuống. Dạy chúng ta, chúng ta khác biệt với đức Phật ở chỗ nào? Sáu căn của chúng ta tiếp xúc với sáu trần, mắt thấy sắc, tai nghe tiếng, mũi ngửi hương, lưỡi nếm vị, sáu căn tiếp xúc cảnh giới sáu trần sẽ khởi ý niệm, khởi tâm động niệm, sự Khởi tâm Động niệm này gọi là Vô minh, Khởi tâm Động niệm gọi là không giác, chính là một niệm không giác. Một niệm giác như thế nào? Một niệm giác thì họ như như bất động, nhìn thấy rất rõ ràng, nghe được rất rõ ràng, nhưng không khởi tâm không động niệm, người ấy chính là Như Lai, người ấy được gọi là đức Phật. Ngoài điều này ra thì không có sự khác biệt, đồng học học Phật chẳng thể không biết. Chúng ta muốn đoạn phiền não thì đoạn từ đâu? Thấy sắc nghe tiếng, nêu một ví dụ, nó tượng trưng cho sáu căn đối với cảnh giới sáu

trần, rõ ràng rành rẽ, thấu suốt sáng tỏ, nhưng không khởi tâm không động niệm, vậy thì thành Phật thôi, đây chính là tu tâm Phật, hoàn toàn giống với đức Phật. Nếu khởi tâm động niệm, thật sự khởi tâm động niệm, chúng ta cho rằng mình không khởi tâm không động niệm, vẫn là khởi tâm động niệm, vì sao vậy? Vì ý niệm quá vi tế rồi. Niệm thô của chúng ta, chính mình có thể phát giác được, động một ý niệm, không biết niệm vi tế. Một niệm thô là do bao nhiêu niệm vi tế tổ hợp thành? Không ai biết, cũng không ai nghĩ đến. Trong Kinh Bồ-tát Xử Thai, đức Phật có một lần đối thoại cùng với Bồ-tát Di Lặc, cuộc đối thoại này rất quan trọng đối với chúng ta. Đức Phật hỏi Bồ-tát Di Lặc, nói tâm phàm phu có ý niệm, một niệm này, chính chúng ta cho là một ý niệm, một ý niệm này có bao nhiêu niệm vi tế, tiếp theo hỏi bao nhiêu niệm, [nghĩa là] bao nhiêu niệm vi tế, bao nhiêu tướng, tướng là hiện tượng vật chất, thức là hiện tượng tâm lý, “da” là từ nghi vấn, **心有所念，幾念幾相識耶** “**tâm hữu sở niệm, kỷ niệm kỷ tướng thức da**”. Bồ-tát Di Lặc trả lời: **舉手彈指之頃** “**Cử thủ đàn chỉ chi khoảnh**” (*Trong khoảnh giờ tay khảy ngón tay*), khảy ngón tay, thời gian này rất ngắn, thời gian vỗ tay cũng rất ngắn, khảy ngón tay ngắn hơn, một khảy ngón tay này, một khảy ngón tay có **三十二億百千念** “**tam thập nhị ức bách thiên niệm**” (*32 ức trăm ngàn niệm*), ai biết? Không ai biết cả. Một khảy ngón tay, quý vị xem, 32 ức trăm ngàn niệm, một trăm ngàn là mười vạn, 32 ức nhân mười vạn, thành 320 ngàn tỷ, một khảy ngón tay này. Hiện nay chúng ta dùng giây để tính đơn vị thời gian, một giây có thể khảy bao nhiêu? Thanh niên, thân thể khỏe mạnh, họ khảy rất nhanh, một giây có thể khảy bảy lần. Vậy thì trong một giây có bao nhiêu ý niệm vi tế? 320 ngàn tỷ lại nhân cho 7, bằng 2 triệu 240 ngàn tỷ, trong một giây, làm sao chúng ta có thể phát giác được? Không phát giác được, ý niệm này quá vi tế rồi. Đức Phật nói với chúng ta, ai có thể nhìn thấy? Đức Phật nhìn thấy rồi, không chỉ đức Phật nhìn

thấy, mà còn có bốn địa vị Bồ-tát nhìn thấy, đây là do đức Phật nói, không phải một mình ta nhìn thấy, mà Bát địa trở lên đều có thể nhìn thấy. Bát địa, Cửu địa, Thập địa, Đẳng giác, đức Phật là Diệu Giác, chính là trong 52 cấp bậc Bồ-tát, năm cấp bậc cao nhất đều có thể nhìn thấy. Chứng tỏ đây không phải là giả, không phải một mình đức Phật nhìn thấy, mà Bát địa trở lên đã nhìn thấy rồi. Từ Thất địa trở xuống thì nghe nói, nhưng không thấy được; Bát địa thấy được rồi, điều này sao có thể là giả được? Vì vậy đó là Vô minh, rất khó phá trừ. Sơ trụ Bồ-tát phá Vô minh, còn mang theo Tập khí rất nghiêm trọng; Tập khí của Bát địa nhẹ hơn, nhìn thấy chân tướng sự thật. Trí huệ đức tướng của Như Lai mà Tự Tánh vốn có, người nào cũng có, không ai không có. Bát địa Bồ-tát hoàn toàn hiểu rõ rồi, phản vọng quy chân.

住昏盲中故 “Trụ hôn manh trung cố” (Vì ở trong sự mê hoặc mù loà), đây chính là phạm phu Lục đạo, cho rằng Phật nhãn là chư Phật Như Lai mới có, **認盲為自 “nhận manh vi tự”** (cho rằng sự tối tăm là chính mình), cho rằng Khởi tâm Động niệm là chính mình. Có ai không như vậy? Chẳng phải chúng ta đều cho rằng Khởi tâm Động niệm là tâm của chính mình sao? Khởi tâm Động niệm là chính mình sao? Nhìn nhận sai rồi, Khởi tâm Động niệm là A-lại-da, Vọng tâm, không phải chính mình. Chân Tâm là chính mình, Chân Tâm là không phân biệt không chấp trước, không khởi tâm không động niệm, đây là chính mình. Hiện nay chúng ta đều nhầm lẫn rồi, xem Khởi tâm Động niệm, Phân biệt Chấp trước là chính mình, đây chính là chỗ khác biệt của chúng sanh và Phật, chúng ta phải nhận biết rõ ràng. **佛光普照，開眾生心中本慧眼 “Phật quang phổ chiếu, khai chúng sanh tâm trung bản Huệ nhãn”** (Phật quang chiếu khắp, khai mở Huệ nhãn vốn có trong tâm của chúng sanh), chữ này nói rất hay, khai mở Huệ nhãn vốn có của chúng ta. Phật quang ở đâu? Phật quang chiếu khắp, chúng ta không thấy, không biết. Phật quang xưa

nay chưa từng gián đoạn, nhất định phải có đức Phật Thích Ca Mâu Ni, chư đại Bồ-tát ứng hóa đến thế gian này của chúng ta, thị hiện thân người, giảng kinh dạy học, biểu diễn cho chúng ta, chúng ta nhìn thấy, chúng ta giác ngộ rồi, đây là Phật quang chiếu khắp. Hiện nay, tuy đức Phật không còn tại thế, nhưng chúng ta nhìn thấy tượng Phật, nhìn thấy tượng Bồ-tát, nghe được tiếng tụng kinh, đọc được bản kinh, hết thấy đều là Phật quang phổ chiếu. Nếu chúng ta dùng tâm chân thành, dùng tâm cung kính, dùng tâm thanh tịnh để tiếp xúc thì sẽ khai ngộ, đạo lý ở chỗ này.

Không chỉ là Phật pháp, mà đạo Thánh Hiền cũng không khác biệt với Phật pháp. Ngày nay chúng ta học khoa học kỹ thuật, không có tâm chân thành, tâm cung kính, vẫn có thể học được. Nhưng kinh giáo của đức Phật, kinh điển của Thánh Hiền, nếu không có thành kính, không có cung kính, tâm không thanh tịnh thì chắc chắn học không được. Những gì quý vị học được chỉ là bề ngoài, thầy có cao minh hơn cũng không cách nào dạy quý vị, vì sao vậy? Bởi vì những điều của Thánh Hiền, những kinh điển của chư Phật Bồ-tát, đều là lưu xuất ra từ trong trí huệ của Bản Tánh. Chúng ta phải dùng Bản Tánh, phải dùng Chân Tâm để tiếp xúc, vậy thì rất dễ khai ngộ; Nếu dùng vọng tâm, dùng vọng tâm thì những gì quý vị học được sẽ biến thành tri thức mà ngày nay nói đến, tri thức Phật học, không phải trí huệ. Vậy chúng ta học được trí huệ hay là học được tri thức? Điều này hoàn toàn do chính mình, chứ không liên quan đến chư Phật Bồ-tát, không liên quan đến Thánh Hiền, cũng không liên quan đến Tổ sư Đại đức. Trong Ấn Quang Đại Sư Văn Sao nói rất hay: **一分誠敬得一分利益，十分誠敬得十分利益** “**Nhất phần thành kính đắc nhất phần lợi ích, thập phần thành kính đắc thập phần lợi ích**” (*Một phần thành kính được một phần lợi ích, mười phần thành kính được mười phần lợi ích*), chính là đạo lý này. Thành [là] chân thành, kính [là] cung kính. Quý vị dùng chân thành cung kính, thái độ đúng rồi, lại cần tâm, tâm phải là

tâm thanh tịnh, tâm ô nhiễm thì không được, không thể tiếp nhận. Có chân thành cung kính, mà tâm địa tràn đầy tham sân si mạn, như vậy không được, tham sân si mạn là ô nhiễm. Trong tâm trái ngược với Ngũ thường, đây là đạo đức mà Tổ tiên của chúng ta đã nói, trong tâm không có đạo đức, Ngũ thường là nhân nghĩa lễ trí tín. Bất nhân, bất nghĩa, vô lễ, vô trí, vô tín, hạng người này cũng không được, chư Phật Bồ-tát, Thánh nhân đến dạy họ, họ không đạt được, họ không thể tiếp nhận. Những gì họ có thể tiếp nhận là phương diện tri thức, còn phương diện trí huệ thì họ không cách nào thể hội được. Cho nên chúng ta có căn bản học đạo Thánh Hiền, phải chân thành cung kính.

Chúng tôi đề xướng Pháp hội Tế Tổ, vì sao phải Tế Tổ? Chính là để tìm lại sự thành kính, đề xướng hiếu đạo. Gốc rễ của văn hóa truyền thống nước ta là hiếu đạo, nội dung của hiếu là chân thành, không có chân thành thì hiếu từ đâu mà ra? Hiếu từ chân thành đến tột bậc mới phát sanh ra. Đối với cha mẹ là hiếu, đối với thầy là kính, dùng cha mẹ, thầy làm đại diện, đây là đức tính tốt đẹp trong Tự Tánh, là trong Tự Tánh vốn đầy đủ. Hiện nay chúng ta đều bị phiền não Tập khí làm chướng ngại, bất hiếu bất kính, trong tâm trái ngược với Ngũ thường, trái ngược với Ngũ giới. Trong tâm là gì? Là tham sân si mạn nghi, là oán hận não nộ phiền. Những điều này không phải là điều tốt, mang lại bệnh tật cho chúng ta, thân tâm không khỏe mạnh, nghiêm trọng hơn một chút là mang đến tai nạn cho chúng ta. Vì vậy giáo dục của đức Phật là giúp chúng ta phá mê khai ngộ, chúng ta mới có thể lìa khổ được vui, chẳng thể không biết điều này.

開眾生心中本慧眼，滅無始時來盲冥 “**Khai chúng sanh tâm trung bản Huệ nhãn, diệt vô thủy thời lai manh minh**” (*Khai mở Huệ nhãn vốn có trong tâm chúng sanh, diệt trừ sự mê mờ tối tăm từ vô thủy đến nay*), hai chữ “manh minh” là tượng trưng cho Vô minh, vô tri, 故

言開彼也 “**cố ngôn khai bỉ dã**” (*cho nên nói là khai bỉ*). Hai chữ đầu trong kinh là “khai bỉ”, “bỉ” là tất cả chúng sanh, dùng phương pháp gì? Chính là dạy học. **蓋謂眾生昏盲無知，不識本具佛眼，反自認為盲** “**Cái vị chúng sanh hôn manh vô tri, bất thức bản cụ Phật nhãn, phản tự nhận vi manh**” (*Bởi vì chúng sanh mê mờ vô tri, không biết là vốn có Phật nhãn, mà ngược lại tự cho là mê mờ*), tự cho rằng chính mình là ngu si, không có trí huệ, điều này sai rồi. **將佛眼推向佛邊** “**Tương Phật nhãn suy hướng Phật biên**” (*Đẩy Phật nhãn về bên Phật*), cho rằng Phật nhãn là đức Phật mới có, phàm phu chúng ta làm gì có, Bồ-tát cũng không có thì phàm phu làm gì có? Mà lại không biết Phật nhãn là lưu xuất ra ngay trong Phật tánh, mọi người đều có Phật tánh, mọi người đều có Tự Tánh. Người nước ta nói là Bản Tánh, trong Tam Tự Kinh cũng nói: **人之初，性本善** “**Nhân chi sở, tánh bản thiện**”, chữ “thiện” đó không phải là thiện của thiện ác, mà là ca ngợi. Ca ngợi điều gì? Quý vị có Phật nhãn [là] thiện, quý vị có tâm Phật [là] thiện, thiện có nghĩa như vậy. Quý vị có trí huệ đức tướng của Như Lai [là] thiện, dùng một chữ để tượng trưng, trong Tự Tánh tràn đầy đức năng, tràn đầy trí huệ, như vậy gọi là thiện.

今因佛光普照，開明眾生心中本有智慧之眼，而消滅盲冥也 “**Kim nhân Phật quang phổ chiếu, khai minh chúng sanh tâm trung bản hữu trí huệ chi nhãn, nhi tiêu diệt manh minh dã**” (*Nay nhờ Phật quang chiếu khắp, khai sáng mắt trí huệ vốn có trong tâm chúng sanh, thì diệt trừ sự mê mờ tối tăm*). Đức Phật dùng phương pháp gì? Dạy học, dạy học là việc làm hàng đầu. Trong kinh Đại thừa thường nói, chư Phật Như Lai kim hiện tại thuyết pháp. Trong Kinh A Mi Đà nói, A Mi Đà Phật ở Thế giới Cực Lạc làm gì? Nay thị hiện đang thuyết pháp. Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, tất cả chư Phật Như Lai, không có vị nào không

giảng kinh thuyết pháp, không giảng kinh thuyết pháp thì làm sao độ chúng sanh? Độ là giúp đỡ, giúp chúng sanh phá mê khai ngộ. Đức Phật biết, đức Phật hiểu rõ, khổ từ đâu mà có? Lục đạo luân hồi từ đâu mà có? Mười pháp giới từ đâu mà có? Đều là từ một niệm không giác, đã mê mất Bản Tánh, thế là biến hiện một Vọng tâm, Vọng tâm này gọi là A-lại-da, hiện nay chúng ta đang dùng tâm này. A-lại-da là gì? Vọng tưởng, Phân biệt, Chấp trước; A-lại-da là Vọng tưởng, Mạt-na là Chấp trước, Ý thức Thứ sáu là Phân biệt, trong Phật pháp giảng là tam tâm, tam tâm là chỉ những điều này, A-lại-da, Mạt-na, Ý thức, trong tâm thanh tịnh của Tự Tánh không có những điều này.

Đề kinh trên bộ Kinh này của chúng ta, trên Kinh ghi “Thanh Tịnh Bình Đẳng Giác”, tâm thanh tịnh, tâm bình đẳng, tâm giác. Giác chính là Bồ-đề, giác chính là trí huệ; Thanh tịnh, bình đẳng đều thuộc về Thiên định, Tự Tánh vốn định, đều không phải có từ bên ngoài. Buông xuống ô nhiễm, tâm thanh tịnh liền hiện tiền; Buông xuống Phân biệt, tâm bình đẳng liền hiện tiền; Buông xuống Khởi tâm Động niệm, tâm giác liền hiện tiền. Thanh tịnh, trong Phật giáo gọi ngài là A-la-hán; Bình đẳng, trong Phật giáo gọi ngài là Bồ-tát; Giác thì thành Phật. Đây là có nhân có quả, đều nằm trên đề kinh, quý vị xem nội dung của Kinh này, ngay trên đề kinh thì nhìn ra rồi. Tâm thanh tịnh, người Tiểu thừa chứng được; Tâm bình đẳng, Bồ-tát Đại thừa chứng được; Giác, Pháp thân Đại sĩ Nhất thừa chứng được. Trong bộ Kinh này thấy đều bao gồm, bao gồm vô lượng Pháp môn mà tất cả Như Lai đã nói trong mười phương ba đời, đều nằm trong bộ Kinh này, không thể nghĩ bàn. Bộ Kinh này sâu rộng không có ranh giới, đó là đại kinh, đại kinh ngay trong đại kinh. Nhưng tu hành không khó, quá dễ rồi, chỉ cần chúng ta có thể nhìn thấu buông xuống, Kinh này thật sự khiến vạn người tu vạn người vãng sanh.

Nhìn thấu là gì? Là hiểu rõ chân tướng sự thật. Chân tướng sự thật ở ngay trên đề kinh, thanh tịnh bình đẳng giác là nhân của tu hành, chúng ta tu điều gì? Chính là tu điều này. Chúng ta dùng [cách] gì để tu? Dùng phương pháp trì danh niệm Phật để tu. Nếu quý vị không nhận thức rõ ràng thì quý vị không chịu làm. Thật sự chịu buông xuống vạn duyên, nhất tâm chuyên niệm A Mi Đà Phật, cầu sanh Thế giới Cực Lạc, tất cả kinh điển mà đức Phật Thích Ca Mâu Ni đã nói trong 49 năm chính là vì điều này, quý vị nắm bắt được điều này, thì tất cả pháp mà Ngài đã nói trong 49 năm, quý vị nắm bắt được toàn bộ rồi. Lại nói với quý vị, ở ngay trong bộ Kinh này. Trong Kinh Hoa Nghiêm nói: **一即一切，一切即一** “**Nhất tức nhất thiết, nhất thiết tức nhất**” (Một là tất cả, tất cả là một). Một: Kinh Vô Lượng Thọ, tất cả các kinh ngoài Kinh Vô Lượng Thọ, giáo nghĩa của tất cả các kinh đều nằm trong bộ Kinh này. Chúng ta biết ơn lão Cư sĩ Hoàng Niệm Tổ, trước khi ngài vãng sanh, sau cùng đã giảng một bộ Tịnh Tu Tiếp Yếu Báo Ân Đàm, đều giảng rõ ràng ý nghĩa này, đều giảng thấu triệt, ngài giảng quá hay rồi! Có thể dùng làm tài liệu giảng dạy bổ sung trong việc chuyên tu Tịnh tông của chúng ta. Lão Hòa thượng Hải Hiền làm chứng cho chúng ta, như vậy còn sai được sao?

Khổ của chúng sanh từ đâu mà ra? Từ vô tri, vô tri chính là ngu si, chính là “mê mờ tối tăm” được nói đến ở đây. Học Phật chính là mở trí huệ, mở trí huệ rồi thì không còn mê mờ tối tăm nữa, là giả, nên diệt trừ rồi. Cho nên trước hết chúng ta phải biết, chúng ta sinh sống ở vũ trụ này, những gì chúng ta tiếp xúc được trong đời này, điều gì là thật, điều gì là giả. Chân Tâm là thật, Vọng tâm là giả. Những điều lưu lộ từ Chân Tâm là thật. Chân Tâm lưu lộ điều gì? Thật Báo Trang Nghiêm độ, chúng ta chưa thấy qua, vì sao vậy? Vì chúng ta không dùng Chân tâm, chúng ta dùng Vọng tâm, đạo lý ở chỗ này, chẳng thể không biết. Dùng Chân tâm thì đúng rồi, đức Phật dạy chúng ta dùng Chân tâm, cổ Thánh tiên Hiền

dạy chúng ta dùng Chân tâm, Không tử, Mạnh tử dạy chúng ta dùng Chân tâm. Lại quan sát tỉ mỉ, những người sáng lập tôn giáo lớn ở thế gian này, các ngài cũng đều dùng Chân tâm, các ngài có thể yêu thương người đời. Chỉ có Chân tâm mới có thể yêu thương người đời, còn Vọng tâm thì yêu thương chính mình, không yêu thương người khác. Chân tâm yêu thương người đời, vì sao vậy? Vì các ngài biết cả vũ trụ là do Chân Tâm biến hiện ra. Như Đại sư Huệ Năng đã nói: **何期自性，能生萬法** “**Hà kỳ Tự Tánh, năng sanh vạn pháp**” (*Nào ngờ Tự Tánh có thể sanh ra vạn pháp*). Vạn pháp là từ Tự Tánh sanh ra, thân thể của chúng ta cũng là từ Tự Tánh sanh ra, cho nên vạn pháp có quan hệ gì với chúng ta? Một thể, cùng một Tự Tánh, cùng một Bản Thể. Phải nhận biết điều này rõ ràng, phải làm sáng tỏ, đây là thật, không phải là giả. Trang tử đã từng nói lời này, thời đại của Trang tử thì Phật pháp chưa truyền đến nước ta. Trang tử từng nói: **天地與我同根，萬物與我一體** “**Thiên địa dữ ngã đồng căn, vạn vật dữ ngã nhất thể**” (*Trời đất cùng một gốc với ta, vạn vật là một thể với ta*), quý vị nói xem ngài có khai ngộ không? Hai câu nói của ngài, có khác biệt gì so với năm câu nói khi Đại sư Huệ Năng khai ngộ? Cho nên chúng tôi có lý do tin rằng, giáo học của Thánh triết phương Đông là có thể không có thầy mà tự thông đạt, tự mình khai ngộ rồi. Vì vậy, lý niệm dạy học của phương Đông, Tổ Tổ nối tiếp truyền dạy, dạy chúng ta thâm nhập một môn, huân tu lâu dài; Đọc sách ngàn lần, tự hiểu nghĩa kia. Tự hiểu chính là khai ngộ, không phải là thầy dạy quý vị, mà tự quý vị ngộ được. Thầy dùng mọi phương tiện khéo léo để hướng dẫn quý vị, hướng dẫn quý vị đến cảnh giới nào? Đến [khi] chính mình khai ngộ. Chính mình khai ngộ rồi, quý vị báo cáo chỗ ngộ của mình với thầy, thỉnh thầy ấn chứng, sau khi thầy nghe xong thì gật đầu, không sai, vậy thì quý vị tốt nghiệp rồi. Quý vị xem Đại sư Huệ Năng, nghe Lục tổ giảng Kinh Kim Cang, giảng đến **應無所住，而生其心** “**ung vô sở trụ nhi sanh kỳ**

tâm”, ngài khai ngộ rồi. Ngộ điều gì? Chính là báo cáo 20 chữ trong năm câu này. Ngũ tổ vừa nghe, được rồi, liền trao y bát cho ngài, ngài chính là Tổ đời thứ sáu của Thiên tông, đơn giản biết mấy! Vì sao ngài có thể khai ngộ? Là vì ngài có thể buông xuống, ngài có thể nhìn thấu. Thật sự hiểu rõ rồi, điều này không phải là giả, Ngũ tổ cho ngài một sự ấn chứng, ngài biết là mình không sai, cùng một cảnh giới với Ngũ tổ. Như vậy thì diệt trừ sự mê mờ tối tăm, Đại triệt Đại ngộ, Minh tâm Kiến tánh, Kiến tánh thành Phật. Mắt trí huệ được mở rồi, quý vị liền được thân quang minh.

Đoạn tiếp theo nói đến **光明身** “**quang minh thân**” (*thân quang minh*). Trong quyển thứ 13 của Tam Tạng Pháp Số có một điều mục như vậy, **謂有三種光明** “**vị hữu tam chủng quang minh**” (*có ba loại quang minh*), quang minh có ba loại. **一、外光明，日月火珠等之光明能除暗者** “**Nhất, ngoại quang minh, nhật nguyệt hỏa châu đẳng chi quang minh năng trừ ám giả**” (*Thứ nhất: quang minh bên ngoài, ánh sáng của mặt trời, mặt trăng, hỏa châu, v.v... có thể diệt trừ bóng tối*), đây là quang minh bên ngoài. Mặt trời, mặt trăng, hỏa châu được nói trong kinh Phật, hỏa châu có nghĩa là gì? Chúng ta dùng Thiên văn học hiện nay để xem xét, hỏa châu là mặt trời; Nói cách khác, hỏa châu là hằng tinh, chính là tinh cầu đang đốt cháy, nó phát sáng. Ánh sáng trên trái đất hoàn toàn nhờ mặt trời, nếu không có mặt trời thì trái đất là một màn đen tối, nó không phát sáng trên hư không thì không ai có thể nhìn thấy. Trong vũ trụ này, tinh cầu có thể phát sáng rất nhiều, buổi tối chúng ta nhìn thấy ngôi sao trên trời, toàn là phát sáng, tự chúng phát sáng, đều đang đốt cháy. **二、法光明，妙法能除愚痴之暗者** “**Nhi, pháp quang minh, diệu pháp năng trừ ngu si chi ám giả**” (*Thứ hai: quang minh của pháp, pháp vi diệu có thể dẹp trừ sự tăm tối của ngu si*), đây là nói trên tỉ dụ. Tăm tối thường được nói trong kinh, đều là ẩn dụ cho

ngu si, vô tri, không hiểu rõ chân tướng sự thật, đó là ngu si. Đức Phật thuyết pháp cho chúng ta, chúng ta nghe rõ ràng, khai ngộ rồi, trí huệ liền sanh khởi, không còn ngu si nữa. Đây là nói đến quang minh của pháp.

三、身光明。諸佛菩薩及諸天等之身有光明 “**Tam, thân quang minh. Chư Phật Bồ-tát cập chư thiên đẳng chi thân hữu quang minh**” (*Thứ ba: quang minh của thân. Thân của chư Phật Bồ-tát và chư thiên v.v... có quang minh*), chư thiên cũng có. Quang minh này có từ đâu? Là quang minh vốn có của Tự tánh, không phải có từ bên ngoài. Bởi vì chúng ta có phiền não nên quang minh không lộ ra ngoài, nếu đoạn Phiền não chướng rồi thì thân có quang minh. Người trời chưa đoạn phiền não, nhưng họ tu định, người đạt được định thì thân sẽ hiện quang minh, trong lúc họ nhập định. Định có rất nhiều cấp bậc, trời Dục giới là Dục giới định, có quang minh nhỏ; Trời Tứ Thiên là Thiên định thế gian, có quang minh; Trời Vô Sắc giới, họ không muốn người khác nhìn thấy, ngay cả thân tướng họ cũng không cần. Vì vậy, thông thường chúng ta nói 28 tầng trời, bốn tầng cao nhất là trời Tứ Không. Trong kinh, đức Phật nói, đa phần là chỉ cho Tứ Thiên trở xuống, Tứ Thiên là nói đến trời Ma Hê Thủ La, là Thiên vương của Đệ tứ thiên, địa vị cao nhất trong Lục đạo, những vị này trên thân đều có quang minh, **能除暗者** “**năng phá ám giả**” (*có thể dẹp trừ sự tăm tối*). **如經云** “**Như kinh vân**” (*Như trong kinh nói*), điều này thường được nói trong kinh Phật, **身頂皆有光明照耀** “**thân đỉnh giai hữu quang minh chiếu diệu**” (*thân và đỉnh đều có quang minh chiếu rọi*), Phật, Bồ-tát, La-hán, thân có quang minh, đỉnh đầu cũng có quang minh. **身有光明，是為光明身之淺釋** “**Thân hữu quang minh, thị vi quang minh thân chi thiểu thích**” (*Thân có quang minh, đó là cách giải thích đơn giản về thân quang minh*).

進言之 “**Tán ngôn chi**”, tiến thêm một bước, ý nghĩa sâu hơn một chút thì chúng ta nói, **獲得光明身另有三義：一者，如《千手陀羅尼經》** “**hoạch đắc quang minh thân lánh hữu tam nghĩa: Nhất giả, như Thiên Thủ Đà La Ni Kinh**” (*đạt được thân quang minh có ba nghĩa khác: thứ nhất, như Kinh Thiên Thủ Đà La Ni*), trong đó nói, **當知其入即是光明藏，一切如來光明照故** “**đương tri kỳ nhân tức thị Quang Minh Tạng, nhất thiết Như Lai quang minh chiếu cố**” (*nên biết người ấy chính là Quang Minh Tạng, vì [được] quang minh của tất cả Như Lai chiếu rọi*). Người ấy là người tu hành, không chỉ là người tu hành, mà còn là người chứng quả, thân ngài phóng quang minh. Đức Phật nói với chúng ta, nên biết người ấy chính là Quang Minh Tạng, ý nghĩa của Quang Minh Tạng sâu hơn. Chúng ta xem tiếp, **由於佛光普照，眾生垢滅善生，慧眼開明，淨心持念，於是十方如來光明護照，行者自身即成光明藏也** “**do ư Phật quang phổ chiếu, chúng sanh cấu diệt thiện sanh, Huệ nhãn khai minh, tịnh tâm trì niệm, ư thị thập phương Như Lai quang minh hộ chiếu, hành giả tự thân tức thành Quang Minh Tạng dã**” (*bởi vì Phật quang chiếu khắp, chúng sanh cấu diệt thiện sanh, Huệ nhãn khai sáng, tịnh tâm trì niệm, cho nên quang minh của mười phương Như Lai bảo hộ chiếu soi, tự thân hành giả liền thành Quang Minh Tạng*). Ý nghĩa này sâu, nhưng phải có điều kiện tiên quyết, đó chính là thân và đỉnh đầu đều có quang minh. Quang minh lớn hay nhỏ không như nhau, A-la-hán đã có, nhưng A-la-hán phải tác ý, phải nhập định, người khác mới thấy được quang minh của ngài; Định huệ của Bồ-tát sâu hơn A-la-hán, không cần phải tác ý, bất luận là ở nơi nào, thân và đỉnh đầu của Bồ-tát đều có quang minh. Vì [được] quang minh của tất cả Như Lai chiếu soi, hiển bày Phật quang chiếu khắp. Chúng ta tâm địa thanh tịnh, tâm địa lương thiện thì sẽ có cảm ứng. Trong tâm có phiền não,

có tham sân si mạn nghi, có Khởi tâm Động niệm, Phân biệt Chấp trước, những điều này đều là chướng ngại, chướng ngại tất cả sự chiếu soi từ quang minh của Như Lai, cho nên không thấy được quang minh của tất cả Như Lai. Thấy được quang minh là việc tốt, chứng minh quý vị tu hành có một chút công phu. Công phu của quý vị càng sâu thì quang minh quý vị nhìn thấy càng lớn, càng rõ ràng. Bởi vì Phật quang chiếu khắp, chúng sanh cầu diệt thiện sanh, Huệ nhãn khai sáng, tịnh tâm trì niệm, ý nghĩa của câu này cũng rất sâu rộng. Được sự gia trì của Phật quang, chúng sanh phiền não nhẹ, trí huệ tăng trưởng, thiện sanh ở đây chính là tâm Bồ-đề sanh khởi. Huệ nhãn khai sáng, tịnh tâm trì niệm, Huệ nhãn khai sáng là nói về học giáo, bất luận là kinh điển nào cũng có thể giúp họ khai ngộ; Tịnh tâm trì niệm là đối với Pháp môn Niệm Phật, niệm Phật phải dùng tịnh tâm, tâm thanh tịnh mới tương ứng với Tịnh Độ. Tịnh tâm, ngoài A Mi Đà Phật ra, không có tạp niệm, không có vọng tưởng, như vậy là tịnh tâm. Cho nên chúng ta dùng niệm Phật, phương pháp trì danh niệm Phật, niệm sạch đi vọng tưởng, niệm sạch đi tạp niệm, hoàn toàn trụ trong tâm thanh tịnh. Trong tâm thanh tịnh, chỉ được phép có một vị A Mi Đà Phật, ngoài A Mi Đà Phật ra thì điều gì cũng không có, trì danh niệm Phật như vậy thì đúng rồi. Cho nên quang minh của mười phương Như Lai bảo hộ chiếu soi, người tu hành ấy, tự thân liền thành Quang Minh Tạng. Đây là cách nói thứ nhất.

Cách nói thứ hai, 如《論註》“**Như Luận Chú**”, trong Chú Giải về Luận Vãng Sanh nói, do Pháp sư Đàm Loan nói, 佛光明是智慧相也。故光明身與智慧眼不二。智慧眼開，了了見性，光明身頓即成就也 “**Phật quang minh thị trí huệ tướng dã. Cố quang minh thân dữ trí huệ nhãn bất nhị. Trí huệ nhãn khai, liễu liễu kiến Tánh, quang minh thân đốn tức thành tựu dã**” (*quang minh của Phật là tướng*

trí huệ. Cho nên thân quang minh và mắt trí huệ không khác. Mắt trí huệ mở, thấy Tánh rõ ràng, thân quang minh lập tức thành tựu). Đây là cảnh giới gì? Pháp thân Bồ-tát, trong Kinh Hoa Nghiêm đã nói, từ Sơ trụ trở lên trong Viên giáo, Đại triệt Đại ngộ, Minh tâm Kiến Tánh, Kiến tánh thành Phật. Vào lúc ấy, tướng trí huệ và quang minh của Phật là một không phải hai. Mắt trí huệ mở thì Minh tâm Kiến tánh, thấy Tánh rõ ràng, thấy Tánh thì thành Phật. Thứ ba, như trong Kinh Tư Ích đã nói: **如來身者，即是無量光明之藏** “**Như Lai thân giả, tức thị vô lượng quang minh chi tạng**” (*Thân của Như Lai chính là vô lượng quang minh tạng*). Như Lai là danh hiệu đầu tiên trong mười danh hiệu. **蓋願一切眾生皆由真實智慧，而證如來法身也** “**Cái nguyện nhất thiết chúng sanh giai do chân thật trí huệ, nhi chứng Như Lai Pháp thân dã**” (*Vì nguyện tất cả chúng sanh đều do trí huệ chân thật, mà chứng Pháp thân Như Lai*). Nguyện này, Bồ-tát kiến Tánh có, nếu chúng ta có thì rất giúp ích cho việc kiến Tánh, đó chính là nguyện tất cả chúng sanh đều có trí huệ chân thật, chứng Pháp thân Như Lai. Trí huệ chân thật, tự nhiên thấy Pháp thân Như Lai. Pháp thân Như Lai ở đâu? Pháp thân ở khắp mọi nơi, trong khắp mọi lúc; Nói cách khác, không lúc nào không có, không nơi nào không có, chúng ta đều ở trong Pháp thân Như Lai, [chỉ là] chính mình không phát giác. Cho nên chư Phật Như Lai đều biết rõ Khởi tâm Động niệm của chúng ta, không chỉ Như Lai biết, thật sự mà nói là chúng ta bị Khởi tâm Động niệm, Phân biệt Chấp trước của chính mình chướng ngại rồi, chúng ta buông xuống Khởi tâm Động niệm, buông xuống Phân biệt Chấp trước, thì thấy được Pháp thân, thì thấy được Thật tướng, Thật tướng là chân tướng của tất cả pháp, vậy thì thành Phật thôi.

Câu tiếp theo, **閉塞諸惡道** “**bế tắc chư ác đạo**” (*đóng kín các đường ác*). **惡道** “**Ác đạo**” (*Đường ác*), trong Kinh Trì Địa nói, **乘惡行**

往，名為惡道 “**thừa ác hạnh vãng, danh vi ác đạo**” (*đi theo ác hạnh, gọi là đường ác*). Trong Kinh Địa Trì nói, đi theo ác hạnh. Ác hạnh: Ngũ nghịch Thập ác. Họ làm những việc này. Tiếp theo giải thích, Niệm lão giải thích, **即乘惡行而往之道路** “**tức thừa ác hạnh nhi vãng chi đạo lộ**” (*là con đường đi theo ác hạnh*), đây gọi là đường ác. Đường ác có ba, **地獄、餓鬼、畜生** “**Địa ngục, Ngạ quỷ, Súc sanh**”. Ba đường này gọi là tam ác thú, **亦有加入修羅** “**diệc hữu gia nhập Tu-la**” (*cũng có [người] thêm A-tu-la vào*), vậy đó là tứ ác thú. Địa ngục, tâm sân hận nặng, đó [là] tham sân si, ngạ quỷ, tâm tham, tâm tham bành trướng, không có giới hạn, thứ gì cũng tham, tham tài, tham danh, tham sắc, tham quyền thế địa vị, tâm tham nặng thì [đến] đường Ngạ quỷ. Tâm sân hận nặng, chúng ta thường nói là oán hận não nộ phiền, năm chữ này đều thuộc về Địa ngục. Có hạng người này hay không? Có, rất nhiều, quý vị lắng tâm quan sát, trong nước, nước ngoài, đều thấy được ở khắp nơi. Súc sanh là ngu si. Nghiệp nhân trong ba đường ác là tham sân si, cho nên đức Phật dạy chúng ta, nhất định phải buông xuống tham sân si, vì sao vậy? Vì không buông xuống thì đời sau sẽ đến những nơi đó, thời gian ở ba đường ác đều rất dài, không dễ gì ra khỏi. Đường Súc sanh có phải là súc sanh mà chúng ta nhìn thấy không? Hình như thọ mạng rất ngắn. Trong kinh điển nói với chúng ta, đường Súc sanh là tính theo số lần, quý vị biến thành một con chó, phải làm bao nhiêu lần? Làm mấy chục lần, mấy trăm lần, mấy ngàn lần, mấy vạn lần, vậy thì phiền phức rất lớn. Không phải là một đời thì chúng đầu thai lại, không phải vậy, mà tính theo số lần. Thọ mạng của quỷ thì dài, địa ngục thì càng không cần phải nói, tuyệt đối không thể đến ba đường ác. Vì vậy, phải đoạn tham sân si mạn nghi, cách đoạn như thế nào? Phải chân thật học Phật, thay đổi phương hướng mục tiêu, chúng ta chuyên cầu Thế giới Tây Phương Cực Lạc, chúng ta chuyên cầu thân cận A Mi Đà Phật, chỉ có một niệm này, ngoài một niệm này ra thì buông hết

tất cả những ý niệm khác, vậy thì có thể đóng kín các đường ác. Trong ba đường thiện, có đường Trời, đường Người, đường Tu-la. Có người cũng tính Tu-la là đường ác, vậy thì trở thành bốn đường ác. Tu-la do đâu mà thành? Công cao ngã mạn, thích tranh với người, cạnh tranh, đấu tranh, họ thích làm việc này, thích việc này không biết chán, luôn mong muốn chính mình chiến thắng người khác, người khác có gì mạnh hơn họ thì họ không cam tâm. Vì vậy, tuy Tu-la là đường thiện, ở đường Trời Người, nhưng sau khi chết đi, cơ hội đọa vào đường ác rất nhiều, cả đời họ ác nhiều thiện ít. Cho nên xem tiếp về sau, họ đọa vào đường ác rồi.

閉者，關閉也 “**Bế giả, quan bế dã**” (*Bế nghĩa là đóng kín*), có nghĩa giống với lấp, giống với nghĩa lấp kín. **令諸眾生免除墮入三惡趣，或四惡趣之厄難，是為閉塞諸惡道之粗解。** 《會疏》更進一解，謂六道皆是惡道。疏云：六道，則流轉所由。故言惡道 “**Linh chư chúng sanh miễn trừ đọa nhập tam ác thú, hoặc tứ ác thú chi ách nạn, thị vi bế tắc chư ác đạo chi thô giải. Hội Sớ cánh tiến nhất giải, vị Lục đạo giai thị ác đạo. Sớ vân: Lục đạo, tắc lưu chuyển sở do. Cố ngôn ác đạo**” (*Khiến các chúng sanh tránh khỏi ách nạn đọa vào ba đường ác hoặc bốn đường ác, đây là cách giải thích thô về đóng kín các đường ác. Sách Hội Sớ giải thích tiến sâu thêm một chút, nói sáu đường đều là đường ác. Trong Sớ nói: Sáu đường là nguyên nhân của sự trôi lăn, nên gọi là đường ác*). Đây chính là luân hồi, Lục đạo luân hồi, ra không khỏi Lục đạo luân hồi; Nói cách khác, chắc chắn là thời gian ở đường ác dài, thời gian ở đường thiện ngắn. Làm sao biết được? Chỉ cần chúng ta bình lặng tự kiểm điểm lại mình thì tự nhiên sẽ hiểu rõ. Hiện nay chúng ta từ sáng đến tối, khởi tâm động niệm, là niệm ác nhiều hay là niệm thiện nhiều, vậy là biết rồi. Hễ là vì chính mình thì đều là niệm ác, hễ là lợi ích chúng sanh thì là niệm thiện. Ngày hôm nay từ sáng đến tối,

tôi có bao nhiêu ý niệm là lợi ích chúng sanh, bao nhiêu ý niệm là lợi ích chính mình, chẳng phải là hiểu rõ rồi sao? Nhìn lại chính mình trước, rồi nhìn người khác, sau đó dùng kinh Phật để đối chiếu so sánh xem, vậy thì hiểu rõ, ý niệm nghĩ cho chính mình quá nhiều, vì người khác [chỉ] là tình cờ nghĩ đến, không phải ý niệm tự nhiên khởi lên, vì chính mình là ý niệm rất tự nhiên khởi lên. Vì vậy, ý niệm tự lợi nặng, nhiều, đây chính là Lục đạo luân hồi; Lợi tha, niệm nào cũng lợi tha, đây là hai đường Trời, Người.

Trong sách Hội Sớ còn có một cách giải thích, nói sáu đường đều là đường ác. Trong Sớ nói: Sáu đường tức là nguyên nhân của sự trôi lăn, nên gọi là đường ác. 《會疏》之說，於經有據 **“Hội Sớ chi thuyết, u kinh hữu cứ”** (Cách nói trong Hội Sớ, có căn cứ vào kinh), có kinh điển chứng minh, 《魏譯》曰橫截五惡趣。以修羅分入餘趣。故六趣成為五趣。經云五惡趣即《會疏》所解，六道均名惡趣 **“Ngụy Dịch viết hoành tiệt Ngũ ác thú. Dĩ Tu-la phân nhập dư thú. Cố Lục thú thành vi Ngũ thú. Kinh vân Ngũ ác thú tức Hội Sớ sở giải, Lục đạo quân danh ác thú”** (trong bản Ngụy Dịch nói: Vượt ngang năm đường ác, đem Tu-la chia vào những đường khác, nên sáu đường trở thành năm đường. Năm đường ác được nói trong kinh chính là cách giải thích của sách Hội Sớ, sáu đường đều là đường ác). Trong kinh thường nói với chúng ta sáu đường luân hồi, lìa khổ phải lìa cứu cánh khổ, thế nào gọi là cứu cánh khổ? Thoát khỏi sáu đường luân hồi gọi là lìa cứu cánh khổ, vĩnh viễn không còn chịu khổ. Chỉ cần không rời khỏi sáu đường, thì có khổ phải chịu, đủ cho quý vị chịu, điều này chứng tỏ sáu đường đáng sợ. Được vui, được cứu cánh vui, vãng sanh Thế giới Tây Phương Cực Lạc là được cứu cánh vui, chẳng thể không biết. Vì sao đức Phật ứng hóa ở thế gian? Vì tâm đại bi khởi tác dụng, vô duyên đại từ, đồng thể đại bi, nhìn thấy những chúng sanh như chúng ta đang mê hoặc

điên đảo trong sáu đường không thể tỉnh ngộ, đòi đòi kiếp kiếp xoay vòng trong sáu đường, khổ không nói lên lời. Từ trong tâm đồng thể đại bi, khởi tâm động niệm, phát nguyện phải giúp đỡ những chúng sanh khổ nạn này lìa cứu cánh khổ, được cứu cánh vui, đây là bản nguyện của các Ngài. Các Ngài có trí huệ, các Ngài có năng lực, chúng ta phải tin, phải tiếp nhận, phải y giáo tu hành, sức mạnh của Ngài hoàn toàn gia trì thêm. Ngài có sức mạnh gia trì, nhưng chúng ta không tiếp nhận, vậy thì không còn cách nào, chúng ta nhất định phải vui vẻ nương tựa tiếp nhận.

Cách giải thích trong sách Hội Sớ, sáu đường đều là đường ác. **是以閉塞諸惡趣即是斷除眾生輪迴六趣之途** “Thị dĩ bế tắc chư ác thú tức thị đoạn trừ chúng sanh luân hồi lục thú chi đồ” (Cho nên đóng kín các đường ác chính là đoạn trừ lối vào sáu đường luân hồi của chúng sanh), điều này đúng, đây chính là lìa cứu cánh khổ. **令出生死之海也** “Linh xuất sanh tử chi hải dã” (Giúp ra khỏi biển sanh tử), giúp tất cả chúng sanh, biển sanh tử chính là sáu đường luân hồi, vượt khỏi sáu đường luân hồi, biển sanh tử này vĩnh viễn được đoạn rồi. Bản Hội Tập này của chúng ta, phẩm thứ 32 cũng nói, **橫截於五趣，惡道自閉塞** “hoành tiết ư ngũ thú, ác đạo tự bế tắc” (vượt ngang khỏi năm đường, đường ác tự đóng kín). Đoạn này hội tập từ hai bản dịch Hán và Ngụy.

Câu sau cùng, **通達善趣門** “thông đạt thiện thú môn” (thông đạt cửa đường thiện). **通達者，暢通無壅** “Thông đạt giả, sướng thông vu ủng” (Thông đạt: là thông suốt không có cản trở), không có chướng ngại. Chữ **門** “môn” (cửa) có hai nghĩa, **一者差別；二者趣入** “nhất giả sai biệt; nhị giả thú nhập” (một là khác biệt, hai là đi vào). Trong quyển thứ nhất của Đại thừa Nghĩa Chương nói, **門別不同，故名爲門** “môn biệt bất đồng, cố danh vi môn” (môn phân chia khác nhau,

nên gọi là môn), chúng ta nói nghĩa là phân môn biệt loại, nghĩa là bộ môn, môn loại. 又能通人趣入名門 “Hựu năng thông nhân thú nhập danh môn” (Thêm nữa, có thể thông thoáng để người đi vào gọi là môn), ở chỗ ấy mở cửa, người ta có thể ra vào, có nghĩa như vậy. Tiếp theo, Niệm lão giải thích cho chúng ta, 法有種種差別，即是有種種門，皆能使人趣入涅槃 “pháp hữu chủng chủng sai biệt, tức thị hữu chủng chủng môn, giai năng sử nhân thú nhập Niết-Bàn” (pháp có đủ mọi sự khác biệt, tức là có rất nhiều môn, đều có thể giúp người đi vào Niết-Bàn), đây là nghĩa của chữ “môn”. Vì vậy, 84 ngàn Pháp môn, Pháp môn bình đẳng, không có cao thấp, vì sao vậy? Vì mỗi Pháp môn đều có thể giúp chúng ta phá mê khai ngộ, đều có thể giúp chúng ta chứng nhập Đại Niết-Bàn. 故指經中之法為門 “Cố chỉ kinh trung chi pháp vi môn” (Nên chỉ cho pháp trong kinh là môn), chúng ta y theo phương pháp trong kinh đề tu, thì có thể lìa khổ được vui, thì có thể vượt khỏi luân hồi, thì có thể vãng sanh Thế giới Cực Lạc, đây đều là ý nghĩa của chữ “môn”. 《四教義三》曰：門者，以能通為義。佛教所詮正四句法，通行人至真性實相之理 “Tứ Giáo Nghĩa Tam viết: Môn giả, dĩ năng thông vi nghĩa. Phật giáo sở thuyên chánh tứ cú pháp, thông hành nhân chí Chân tánh Thật tướng chi lý” (Trong quyển thứ ba của Tứ Giáo Nghĩa nói: Môn nghĩa là có thể thông. Bốn câu pháp mà Phật giáo giảng giải phân tích, người thông hành đạt đến lý Chân tánh Thật tướng), cho nên gọi là môn. Câu tiếp theo nói, 正是今經中之義 “chánh thị kim Kinh trung chi nghĩa” (chính là ý nghĩa trong Kinh này).

善趣者，一般指六趣中之三善趣 “Thiện thú giả, nhất ban chỉ lục thú chi tam thiện thú” (Đường thiện, thông thường là chỉ cho ba đường thiện trong sáu đường), đây là cách nói thông thường, thiện thú tức

là đường thiện. 但此與今經之義相違 “Đãn thử dữ kim kinh chi nghĩa tương vi” (Nhưng điều này trái với ý nghĩa trong Kinh này), khác với ý nghĩa trong đoạn Kinh này của chúng ta. 上既以六趣皆名惡趣，故人天等趣不能復稱善趣。故知善趣門不是趣向人天之門，而是上善者所趣向，故名善趣門。如《會疏》曰：菩提者，則上善所入，故言善趣門 “Thượng ký dĩ lục thú giai danh ác thú, cố nhân thiên đẳng thú bất năng phục xưng thiện thú. Cố tri thiện thú môn bất thị thú hướng nhân thiên chi môn, nhi thị thượng thiện giả sở thú hướng, cố danh thiện thú môn. Như Hội Sớ viết: Bồ-đề giả, tắc thượng thiện sở nhập, cố ngôn thiện thú môn” (Ở trên đã cho rằng sáu đường đều là đường ác, cho nên đường Trời Người v.v... không thể lại gọi là đường thiện. Vì thế biết cửa đường thiện không phải là cửa hướng đến Trời Người, mà là nơi hướng đến của bậc Thượng thiện, nên gọi là cửa đường thiện. Như sách Hội Sớ nói: Bồ-đề tức là nơi vào của bậc Thượng thiện, nên gọi là cửa đường thiện). Bồ-đề là dịch âm từ tiếng Phạn, ngôn ngữ Ấn Độ xưa, dịch sang chữ nước ta thì cũng có thể dịch, nhưng vì sao không dịch? Vì tôn trọng không phiên dịch. Người học Phật, mục tiêu phương hướng của họ là Bồ-đề, dịch sang nghĩa tiếng nước ta là giác, tức là giác ngộ. Giác ngộ vô cùng quý giá, vô cùng hiếm có. Người Thượng thượng căn, đời này ở thế gian cầu gì? Cầu Bồ-đề, họ không cầu gì khác. Bồ-đề chính là ý nghĩa của chữ “giác” trên đề kinh, quý vị xem: thanh tịnh, bình đẳng, giác. Bồ-đề từ đâu có? Từ bình đẳng mà có. Bình đẳng từ đâu có? Bình đẳng từ thanh tịnh mà có. Thanh tịnh từ đâu có? Thanh tịnh là từ buông xuống mà có. Danh văn lợi dưỡng, ngũ dục lục trần, không chỉ như vậy, còn phải buông xuống tất cả sự Phân biệt, Chấp trước, Khởi tâm Động niệm, Bồ-đề là Tự Tánh vốn có, tự nhiên sẽ hiện tiền thôi.

Cho nên tiếp theo nói, **是謂入菩提妙覺之法門，才是善趣門** “**thị vị nhập Bồ-đề diệu giác chi Pháp môn, tài thị thiện thú môn**” (đây nghĩa là Pháp môn vào Bồ-đề Diệu Giác, mới là cửa đường thiện). Như sách Hội Sớ nói: **菩提者，則上善所入** “**Bồ-đề giả, tắc thượng thiện sở nhập**” (Bồ-đề là chỗ vào của bậc Thượng thiện). Trong Phật pháp, chỉ có Đại thừa; Còn Thanh văn, Duyên giác không có phần, Quyền giáo Bồ-tát cũng chưa bước vào. Thanh văn là A-la-hán, Duyên giác là Bích-chi-phật, các ngài chỉ đoạn Kiến tư Phiền não. Bích-chi-phật không chỉ đoạn Kiến tư Phiền não, mà đoạn cả Tập khí của Kiến tư Phiền não rồi, cho nên ngài cao hơn A-la-hán, nhưng chưa phát tâm Bồ-đề. Quyền giáo Bồ-tát cũng chưa phát tâm Bồ-đề, không thể đi vào cửa chân thật. Các ngài cao hơn A-la-hán, A-la-hán đoạn Kiến tư Phiền não, các ngài đoạn Phân biệt, cũng tức là định mà các ngài tu là bình đẳng. Trên Kinh của chúng ta nói thanh tịnh bình đẳng giác, A-la-hán là thanh tịnh, Quyền giáo Bồ-tát là bình đẳng, phát tâm Bồ-đề thì giác rồi, Minh tâm Kiến tánh, liền thành Phật. Chưa phát tâm Bồ-đề, ngài vẫn còn ở địa vị Bồ-tát, Tam hiền trong Biệt giáo; Thật sự phát tâm Bồ-đề thì ngài đặng địa. Ở Thập tín của Viên giáo, phát tâm Bồ-đề, ngài liền lên Sơ trụ, Sơ trụ thì Minh tâm Kiến tánh, đây là Đại thừa của Viên giáo. Cho nên Bồ-đề, là nơi vào của bậc Thượng thiện, đây gọi là cửa đường thiện. Chúng ta phải làm sáng tỏ, phải phát tâm Bồ-đề.

Tâm Bồ-đề là gì? Trong Chú Sớ của người xưa rất nhiều, giảng rất nhiều, nhưng không dễ hiểu. Chúng tôi thâm nhập và nói đơn giản, tôi đã nói mười chữ, năm xưa hoằng pháp ở nước ngoài, tôi thường nói: “Chân thành, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác, từ bi”, tôi đã nói mười chữ, nói lên năm sự việc. Chân thành là Bản thể của tâm Bồ-đề, chân thành chính là Chân Tâm, chân thành đến tột bậc. Chúng ta phải dùng tâm này, dùng tâm này sinh hoạt, dùng tâm này làm việc, dùng tâm này đối người tiếp

vật, vậy thì thật sự phát tâm rồi, không phải là nói ngoài miệng, mà phải thực tiễn. Tâm chân thành, dùng tâm chân thành đối với chính mình, chính là thanh tịnh bình đẳng giác. Chính mình thường xuyên giữ gìn tâm này, thanh tịnh, bình đẳng, chánh giác; Đối với người khác, đối với tất cả vạn vật thì từ bi, vô duyên đại từ, từ là giúp họ được vui, không có bất kỳ điều kiện nào, bi là cứu khổ, họ có khổ có nạn, chúng ta phải giúp họ lìa khổ. Đồng thể đại bi, vô duyên đại từ, không có điều kiện, vì sao vậy? Vì chúng ta thật sự hiểu rõ mình và người không hai, mình và người nhất như, mình và người là một thể, phải có tâm này, tâm này chính là tâm Phật, sở dĩ đức Phật thành tựu là nhờ vào tâm này. Tâm của chúng ta không tương ưng với tâm Phật, cho nên có học thể nào cũng học không giống được, chẳng thể không biết điều này. Vì vậy, đối với chính mình thế nào, đối với người khác thế nào? Đối với chính mình thì không thể từ bi, phải thanh tịnh bình đẳng giác; Đối với người khác thì không dùng thanh tịnh bình đẳng giác, mà dùng chân thành từ bi. Cho nên thanh tịnh bình đẳng giác là tự thọ dụng, tâm chân thành là tự thọ dụng; Từ bi là tha thọ dụng của tâm chân thành, đối với người khác thế nào, đối với tất cả sinh vật, động vật thế nào, đối với hoa cỏ cây cối thế nào, đối với núi sông đất đai thế nào, đối với chúng sanh trong chín Pháp giới thế nào? Chân thành từ bi. Đối với chính mình thì chân thành, thanh tịnh bình đẳng giác, vậy là đúng rồi, không thể dùng sai, như vậy chính là thật sự giác ngộ, hiểu rõ rồi. Vì vậy, nơi vào của bậc Thượng thiện, đó gọi là đường thiện.

Đặc biệt là Pháp môn Tịnh tông, là cửa đường thiện bậc nhất ngay trong các đường thiện, rất nhiều cửa đường thiện, đây là cửa đường thiện bậc nhất. Vì sao vậy? Vì bất luận là người như thế nào cũng có thể bước vào, chỉ cần đầy đủ tín, nguyện, trì danh thì quý vị vào thôi. 84 ngàn Pháp môn còn lại, gọi là Pháp môn thông thường, nhất định phải thanh tịnh bình đẳng giác, mới có thể bước vào, không có chân thành thanh tịnh bình đẳng

giác thì vào không được. Vì vậy, điều đó khó, khó ở chỗ nào? Tập khí của chúng ta quá nặng, không dễ gì đoạn được Tập khí. Tịnh tông mang nghiệp vãng sanh, có thể mang theo Tập khí đến Thế giới Cực Lạc, đến Thế giới Cực Lạc rồi, sự gia trì bởi 48 nguyện của A Mi Đà Phật, Tập khí của chúng ta không cần phải tự mình đoạn, mà tự nhiên không còn nữa, điều này không thể nghĩ bàn, được gọi là pháp khó tin! 是謂入菩提妙覺之法門，才是善趣門 “Thị vị nhập Bồ-đề Diệu Giác chi Pháp môn, tài thị thiện thú môn” (Đây nghĩa là Pháp môn vào Bồ-đề Diệu Giác, mới là cửa đường thiện). 此門唯有發菩提心上善之人方能趣入，洞開此門，故云通達善趣門。云何洞開？則唯有成就淨國、普攝群生之淨土法門也 “Thử môn duy hữu phát Bồ-đề tâm Thượng thiện chi nhân phương năng thú nhập, đồng khai thử môn, cố vân thông đạt thiện thú môn. Vân hà đồng khai? Tác duy hữu thành tựu Tịnh quốc, phổ nhiếp quần sanh chi Tịnh Độ Pháp môn dã” (Cửa này chỉ có người Thượng thiện phát tâm Bồ-đề mới có thể đi vào, mở thông cửa này, nên gọi là thông đạt cửa đường thiện. Làm thế nào mở thông? Chỉ có Pháp môn Tịnh Độ thành tựu Tịnh Độ, rộng nhiếp chúng sanh). Sau cùng trở về Tịnh Độ, đồng khai, rộng mở, đây là thông đạt cửa đường thiện. Tiếp theo nói mở thông thế nào, mở lớn thế nào, đây là trí huệ không gì sánh bằng của A Mi Đà Phật, kiến lập Thế giới Cực Lạc. Kiến lập Thế giới Cực Lạc làm gì? Giúp tất cả chúng sanh khổ nạn này, có thể lập tức được giải thoát, liền có thể lìa tất cả khổ, được cứu cánh vui, đây chính là Pháp môn Tịnh Độ. A Mi Đà Phật ở cõi nước của chư Phật mười phương, tiếp dẫn tất cả chúng sanh có duyên. Chúng sanh có duyên, tức là có thể tin, có thể tiếp nhận Pháp môn này, thật sự tin, không có chút nghi ngờ nào, ngay trong đời này lập một đại nguyện, cầu sanh Tịnh Độ.

Tôi đến chính là để làm việc này, không phải làm việc khác, việc khác thì không phải việc tôi làm, tôi chỉ làm việc lớn này.

Đoạn cuối cùng, **開藏施寶 “Khai Tạng Thí Bảo”** (*Mở Pháp Tạng Bồ Thí Bảo*).

【為眾開法藏。廣施功德寶。】 “**Vị chúng khai Pháp tạng, quảng thí công đức bảo**” (*Vì chúng mở Pháp tạng, rộng thí công đức bảo*).

Điều này không thể nghĩ bàn! Hai câu này, Niệm lão đã chú giải rất tường tận. **為眾開法藏 “Vị chúng khai Pháp tạng”** (*Vì chúng mở Pháp tạng*), **承上而言 “thừa thượng nhi ngôn”** (*là nói tiếp theo đoạn trên*), ở trên nói, **閉塞諸惡道，悉令出生死海也** “**bế tắc chư ác đạo, tất linh xuất sanh tử hải dã**” (*đóng kín các đường ác, giúp tất cả ra khỏi biển sanh tử*). **通達善趣門 “Thông đạt thiện thú môn”** (*thông đạt cửa đường thiện*), giúp họ đều lên bờ Niết-Bàn. **為實現此願，首須開示佛之知見，故云為眾開法藏 “Vị thực hiện thử nguyện, thủ tu khai thị Phật chi tri kiến, cố vân vị chúng khai Pháp tạng”** (*Để thực hiện nguyện này, trước hết cần phải khai thị tri kiến của Phật, nên nói là “vì chúng mở Pháp tạng”*). Câu này chính là hiện tại chúng ta thường nói, giáo học vi tiên, vì chúng sanh khai mở Pháp tạng chính là dạy học, đây là thật sự rộng thí công đức bảo. Chúng ta xem Chú Giải của Niệm lão, **為眾開法藏。承上而言。上云：閉塞諸惡道，悉令出生死海也。通達善趣門，咸令登涅槃岸也。為實現此願，首須開示佛之知見，故云為眾開法藏 “vị chúng khai Pháp tạng. Thừa thượng nhi ngôn. Thượng vân: bế tắc chư ác đạo, tất linh xuất sanh tử hải dã. Thông đạt thiện thú môn, hàm linh đăng Niết-Bàn ngạn dã.**

Vị thực hiện thử nguyện, thủ tu khai thị Phật chỉ tri kiến, cố vân vị chúng khai Pháp tạng” (Vì chúng mở Pháp tạng là nói tiếp theo đoạn trên. Ở trên nói: đóng kín các đường ác, giúp tất cả ra khỏi biển sanh tử. Thông đạt cửa đường thiện, giúp tất cả lên bờ Niết-Bàn. Để thực hiện nguyện này, trước tiên cần phải khai thị tri kiến của Phật, nên gọi là vị chúng mở Pháp tạng).

廣演妙法，令眾悟入，導歸極樂，究竟菩提 “Quảng diễn diệu pháp, linh chúng ngộ nhập, đạo quy Cực Lạc, cứu cánh Bồ-đề” (Diễn khắp pháp vi diệu, giúp chúng sanh ngộ nhập, dẫn dắt về Cực Lạc, cứu cánh Bồ-đề). Bốn câu này, “diễn khắp pháp vi diệu, giúp chúng sanh ngộ nhập”, năm xưa khi đức Phật Thích Ca Mâu Ni tại thế, giảng kinh thuyết pháp 49 năm, dùng thuật ngữ hiện nay của chúng ta mà nói là mở Đại hội hoằng pháp, tổ chức hoạt động này, một đời đã tổ chức hơn 300 lần, thời gian 49 năm. Tổ chức hoạt động này, giảng kinh dạy học, hoạt động này có quy mô lớn, có quy mô nhỏ. Quy mô lớn thì Ngài giảng đại kinh, thời gian rất dài, có khi giảng mấy tháng, có khi giảng mấy năm. Có khi giảng ở nhân gian, có khi giảng trên trời, Ngài đi khắp nơi giảng kinh thuyết pháp. Căn tánh chúng sanh không như nhau, pháp vi diệu mà đức Phật diễn thuyết cũng khác biệt, giúp các chúng sanh có căn tánh khác nhau, để họ từ từ nâng cao. Sự phân chia trên tổng thể, đức Phật thuyết kinh chia làm năm giai đoạn: giai đoạn thứ nhất là Ngài thị hiện thành Phật, vì 41 địa vị Pháp thân Đại sĩ giảng Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm. Bộ kinh ấy là giảng trong định, chúng ta nhìn thấy đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi xếp bằng dưới cây Bồ-đề, nhập định, không đứng dậy, không biết đức Phật đang mở Đại hội Hoa Nghiêm ở trong định. Người nào tham dự? Pháp thân Bồ-tát tham dự, không phải Pháp thân Bồ-tát thì quý vị không vào được. Giảng xong bộ kinh ấy, giảng xong trong 21 ngày, Bồ-tát Đại Long, vị ấy cũng là Đẳng giác Bồ-tát, cất giữ trong

Long cung, thế gian này không có. Vì vậy, Tiểu thừa không thừa nhận Đại thừa, nói Đại thừa là giả, không phải do đức Phật nói. Tiểu thừa không cách nào tham dự Pháp hội.

600 năm sau khi đức Phật diệt độ, Bồ-tát Long Thọ nhận lời mời của Bồ-tát Đại Long, Bồ-tát Đại Long đưa ngài đến Long cung tham quan, nhìn thấy Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, hoan hỉ tán thán. Nhưng vừa xem phân lượng, nói chúng sanh Diêm-phù-đề, người trong thế giới này của chúng ta không cách nào tiếp nhận, quá lớn rồi. Phân lượng lớn thế nào? Kệ [nhiều như] Vi trần trong mười Tam thiên Đại thiên Thế giới, phẩm [nhiều như] Vi trần trong một Tứ thiên hạ, chúng ta nghe được hai câu này thì lắc đầu rồi, thật sự quá lớn. Nói Tứ Khố Toàn Thư của Trung Hoa chúng ta lớn, nhưng so với Kinh Hoa Nghiêm trong Long cung, như đom đóm so với đèn. Kinh ấy vẫn còn Trung Bản, phân lượng của Đại Bản quá lớn, mong rằng tìm được một bộ Trung Bản, phân lượng của Trung Bản cũng lớn, đều không phải là điều mà người ở thế giới này của chúng ta học được. Sau cùng cũng may, vẫn còn một bộ Tiểu Bản, Tiểu Bản giống như Mục Lục Đề Yếu của Tứ Khố Toàn Thư, Tứ Khố hiện nay của chúng ta là sách bìa cứng, tổng cộng là 1500 quyển, Đề Yếu chỉ có 5 quyển, như vậy thì dễ học. Cho nên ngài liền học thuộc lòng Tiểu Bản ấy, mang trở về, viết thành văn tự, chính là những gì hiện nay chúng ta xem được. Không xem được bản tiếng Phạn nữa, [chỉ] xem được bản dịch chữ Hán, tổng cộng là 99 quyển. Triều đại nhà Tấn, phiên dịch lần đầu tiên là 60 quyển; Lần thứ hai phiên dịch vào triều đại nhà Đường, thời đại của Võ Tắc Thiên đời Đường, 80 quyển; Lần phiên dịch cuối cùng vào những năm niên hiệu Trinh Nguyên, 40 quyển. Lược đi những phần lặp lại, tổng cộng là 99 quyển, đây là Kinh Hoa Nghiêm hoàn toàn bằng chữ Hán, 99 quyển. Bản gốc của tiếng Phạn không còn nữa, không tìm được nữa.

Tôi đã học qua bộ kinh này, khi tôi vừa tiếp xúc với Phật pháp, Tiên sinh Phương Đông Mỹ nói với tôi, giới thiệu cho tôi một bộ Kinh, chính là Kinh Đại Phương Quảng Phật Hoa Nghiêm, ngài nói với tôi học Chú Giải của Đại sư Thanh Lương, Hợp Luận của Cư sĩ Lý Thông Huyền, tôi đã học qua hai bộ ấy. Đã giảng Kinh Hoa Nghiêm hai lần, lần thứ hai đã giảng hơn 4000 tiếng đồng hồ, giảng đến Phẩm Thập Trụ, phân lượng khoảng chừng một phần năm cả bộ kinh, hơn 4.000 giờ. Vì vậy, khi đó tôi ước tính muốn giảng viên mãn cả bộ Kinh cần phải 20.000 giờ. Thật sự là pháp vi diệu, thật sự giúp quý vị sanh tâm hoan hỷ. Tôi cũng giảng Kinh Hoa Nghiêm, giảng đến Phẩm Nhập Pháp Giới, 53 lần tham vấn của Đồng tử Thiện Tài, đọc được ngài Văn Thù, Phổ Hiền phát nguyện cầu sanh Thế giới Cực Lạc, tôi tiếp nhận Tịnh Độ tông rồi, mới biết rằng Hoa Nghiêm có mối quan hệ vô cùng mật thiết với Tịnh Độ. Người xưa ca ngợi Kinh Hoa Nghiêm là Đại Bản Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh Mi Đà là Tiểu Bản Kinh Vô Lượng Thọ, cho nên Kinh Vô Lượng Thọ được gọi là Trung Bản Hoa Nghiêm. Nói cách khác, người xưa xem Kinh Hoa Nghiêm, Kinh Vô Lượng Thọ, Kinh A Mi Đà thành một bộ kinh, Đại Bản, Trung Bản, Tiểu Bản. Văn tự có sự khác biệt về chi tiết và giản lược, Kinh Hoa Nghiêm giảng tường tận, văn tự nhiều, 99 quyển; Kinh Vô Lượng Thọ chỉ có 1 quyển; Kinh A Mi Đà chỉ khoảng vài trang, nếu nói đến quyển này, khoảng chừng chưa đến mười trang, Đại Bản, Trung Bản, Tiểu Bản, giúp chúng ta nhận biết được.

Cho nên vào những năm cuối đời, tôi buông Kinh Hoa Nghiêm xuống, chuyên giảng Kinh Vô Lượng Thọ, giảng Trung Bản Hoa Nghiêm. Đại Bản đó quá lớn rồi, người học sau này ít dần, có thể không còn người nào học nữa. Năm xưa tôi ở Đài Loan, có vị Pháp sư Khai Tâm, đã vãng sanh rồi, đã vãng sanh rất lâu rồi. Mỗi lần ngài gặp mặt tôi, đều khuyên tôi giảng Kinh Hoa Nghiêm, nói với tôi: nếu thầy không giảng thì sau này

không còn ai giảng nữa. Tôi đón nhận thành ý của ngài rồi, tôi rất hoan hỉ, cho nên tôi đã giảng hai lần. Thật sự là kinh quá dài, nói sơ lược thì nói không hết được ý vị, thật sự nói hết được ý vị, vậy thì cần thời gian rất dài. Vì thế, từ chỗ này, cũng thể hội được kinh Phật quá vĩ đại. Vào thời đại của ngài Thanh Lương, thời đại hưng thịnh của đời Đường, giảng bộ kinh này, cả đời ngài đã giảng vài chục lần. Tôi nghĩ chắc là một năm giảng một lần, căn tánh của người thời đó tốt, vừa chỉ điểm liền thông, liền hiểu rõ, không cần giảng chi tiết. Vừa chỉ điểm, chỉ điểm chỗ then chốt, cho nên một năm giảng một bộ. Thời đại của các ngài giống như năm xưa đức Thế Tôn còn tại thế, một ngày có thể giảng tám tiếng. Chúng ta hiện nay không còn, một ngày bốn tiếng thì đã nhiều lắm rồi, thông thường là một ngày hai tiếng. Một ngày hai tiếng, vậy thì bộ kinh ấy phải 4 - 5 năm, 4 năm đến 5 năm, cách giảng như ngài Thanh Lương. Như tôi là giảng chi tiết, vậy thì không được, một bộ kinh phải mất ba - bốn mươi năm.

Vì vậy, đây là nói đến, **為眾開法藏，廣施功德寶** “**vị chúng khai Pháp tạng, quảng thí công đức bảo**”. Diễn nói diệu pháp rộng khắp, giúp chúng sanh ngộ nhập, dẫn dắt về Cực Lạc, cứu cánh Bồ-đề, nhất định không thể thiếu hai câu này, nếu không thể dẫn dắt về Thế giới Cực Lạc thì không cách nào cứu cánh Bồ-đề. Vì sao vậy? Vì người Thượng thượng căn ít, đến đâu để tìm? Thượng thượng căn, người như Đại sư Huệ Năng, vài câu nói, vừa chỉ điểm thì ngài thông suốt rồi, không còn chướng ngại nữa, người như vậy quá ít, đó là thuộc về đốn ngộ. Người tiệm ngộ thì có, thời đại nào cũng có, tiệm ngộ chính là phải học thời gian rất dài. Ngay cả thời đại của chúng ta cũng có, lão Hòa thượng Hải Hiền. Lão Hòa thượng Hải Hiền không phải đốn ngộ, là tiệm ngộ, tôi ước đoán ngài là 20 năm. Ngài xuất gia năm 20 tuổi, Sư phụ dạy ngài một câu Phật hiệu, dặn dò ngài cứ niệm liên tục, ngài nghe lời, ngài thật làm. Với một người thành

thật như thế, tín nguyện trì danh, nhất hướng chuyên niệm, 20 tuổi, nhiều nhất là 3 năm, 3 năm đến 5 năm, ngài có thể niệm đến Công phu Thành phiến. Đây là cấp bậc thứ nhất trong Pháp môn niệm Phật của chúng ta. Niệm đến Công phu Thành phiến thì chắc chắn vãng sanh Thế giới Cực Lạc rồi, A Mi Đà Phật nhất định đến tiếp dẫn quý vị. Rất có khả năng, A Mi Đà Phật gặp mặt quý vị, nói cho quý vị biết thọ mạng của quý vị còn bao nhiêu năm, đến lúc đó Ta đến tiếp dẫn con, tâm định rồi. Từ đây thăng cấp lên, khoảng 5 năm, ngài được Sự nhất tâm Bất loạn. Sự nhất tâm Bất loạn sanh Phương Tiện Hữu Dur độ, công phu ngang bằng với A-la-hán. Tiếp tục thăng cấp, 5 năm đến 10 năm, Lý nhất tâm Bất loạn, chính là Đại triệt Đại ngộ, Minh tâm Kiến tánh. Vào lúc nào? Tôi ước đoán là khoảng năm 40 tuổi, ngài đạt được rồi. Cho nên ngài đã từng nói: điều gì tôi cũng biết. Điều gì cũng biết không phải là tùy tiện mà nói, Minh tâm Kiến tánh mới có thể biết được tất cả, người thông thường nghe không hiểu. Cảnh giới của ngài tương đương với cảnh giới Đại triệt Đại ngộ của Đại sư Huệ Năng! Đại sư Huệ Năng là đốn ngộ, bỗng nhiên khai ngộ; Ngài là 20 năm công phu, đạt đến cảnh giới này. Đây là nói với chúng ta, người thông thường chúng ta dùng 20 năm, đều có thể đạt được cảnh giới này, chỉ cần quý vị thật sự niệm một câu Phật hiệu đến cùng. Tôi đã nói với mọi người, trong tâm chỉ có một câu A Mi Đà Phật này, ngoài A Mi Đà Phật ra thì không có gì cả, quý vị có thể giữ gìn 20 năm thì có khả năng đạt đến cảnh giới này, cảnh giới Lý nhất tâm Bất loạn, vãng sanh Tịnh Độ, sanh Thật Báo Trang Nghiêm độ, thật sự không thể nghĩ bàn!

Cho nên vì chúng khai Pháp tạng, chữ “chúng” ở đây là chỉ cho chúng sanh trong chín giới, bao gồm Bồ-tát, Duyên giác, Thanh văn, tất cả chúng sanh trong sáu đường. 開者，開佛知見，亦常云開示之義 “**Khai giả, khai Phật tri kiến, diệc thường vân khai thị chi nghĩa**” (*Khai là khai tri kiến Phật, cũng thường nói nghĩa là khai thị*), hai chữ khai thị đã

được nói đến ở đây, khai thị không dễ dàng, khai thị giúp cho thính chúng có thể ngộ nhập, ngộ nhập chính là Đại triệt Đại ngộ, Minh tâm Kiến tánh. Như khai thị của Ngũ tổ đối với Đại sư Huệ Năng, dùng Kinh Kim Cang, giảng một phần ba, ngài liền khai ngộ, ngài liền ngộ nhập, phần sau không cần giảng nữa. 法藏者，又名佛法藏，乃法性之理體，亦即當人本具之如來藏性也。法性含藏無量之性德，故曰法藏

“Pháp tạng giả, hựu danh Phật Pháp tạng, nãi Pháp Tánh chi Lý Thể, diệt tức đương nhân bản cụ chi Như Lai Tạng Tánh dã. Pháp Tánh hàm tàng vô lượng chi Tánh đức, cố viết Pháp tạng” (*Pháp tạng, cũng gọi là Phật Pháp tạng, là Lý Thể của Pháp Tánh, cũng tức là Như Lai Tạng Tánh mà mỗi người vốn có. Pháp Tánh chứa đựng vô lượng Tánh đức, nên gọi là Pháp tạng*). Thời gian hôm nay hết rồi, lần sau chúng ta giảng tiếp chỗ này, giảng từ câu Pháp tạng này.

(Hết tập 211)

Nguyện đem công đức này
 Hướng về khắp tất cả
 Đệ tử cùng chúng sanh
 Đều sanh nước Cực Lạc
 Sớm viên thành Phật quả
 Rộng độ khắp chúng sanh.

Nam Mô A Mi Đà Phật.